

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 63/2015/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

Căn cứ Luật Đường sắt năm 2005;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc thẩm định thiết kế, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện giao thông

đường sắt nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và trong quá trình khai thác trên các mạng đường sắt sau:

- a) Đường sắt quốc gia;
- b) Đường sắt đô thị;
- c) Đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;
- d) Đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và khai thác phương tiện giao thông đường sắt sử dụng trên các mạng đường sắt quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. *Phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt.
- 2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt.
- 3. *Phương tiện chuyên dùng* là ô tô ray, goòng máy, cần trục, máy chèn đường, máy kiểm tra đường và phương tiện khác có thể di chuyển trên đường sắt.
- 4. *Tổng thành* bao gồm thân xe, giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ đám, động cơ diesel, bơm gió, máy phát điện chính, động cơ điện kéo, bộ tiếp điện, bộ biến đổi điện, bộ truyền động thủy lực.
- 5. *Hệ thống* bao gồm hệ thống hãm, hệ thống điện chính, hệ thống điều hòa không khí, hệ thống truyền động, hệ thống điều khiển, hệ thống tín hiệu trên đoàn tàu, hệ thống thiết bị vệ sinh tự hoại.
- 6. *Sản phẩm* là phương tiện hoặc tổng thành, hệ thống.
- 7. *Thời gian sử dụng* (tính theo năm) là thời gian được xác định từ năm sản xuất đến năm đang sử dụng của phương tiện.
- 8. *Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường* (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận) là chứng chỉ xác nhận phương tiện đã được kiểm tra theo

quy định, đủ điều kiện tham gia giao thông đường sắt.

9. *Tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là tem kiểm định) là biểu trưng cấp cho phương tiện giao thông đường sắt đã kiểm định đạt tiêu chuẩn.

10. *Cơ sở thiết kế* là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh phù hợp với các quy định hiện hành.

11. *Cơ sở sản xuất* là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi, sửa chữa phương tiện giao thông đường sắt có đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

Chương II

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

Điều 3. Hồ sơ thiết kế

1. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp mới, hồ sơ thiết kế bao gồm:

- a) Bản vẽ kỹ thuật: bản vẽ tổng thể của phương tiện; bản vẽ lắp đặt của tổng thành, hệ thống trên phương tiện; bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành sản xuất trong nước; bản thông số kỹ thuật của tổng thành nhập khẩu.
- b) Bản thuyết minh, tính toán: thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện, giá chuyển hướng; thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh; thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe động lực hoặc phương tiện động lực khác); thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm sức bền của khung giá chuyển hướng, bộ trục bánh xe, bộ xe, thân toa xe và giá xe của đầu máy, phương tiện động lực; thuyết minh, tính toán kiểm nghiệm hãm.

2. Đối với tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế bao gồm:

- a) Bản vẽ tổng thể của tổng thành;
- b) Bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của tổng thành;
- c) Tính toán kiểm nghiệm sức bền đối với khung giá chuyển hướng, bộ trục bánh xe, móc nối đỡ đãm.

3. Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ thiết kế bao gồm:

- a) Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;

- b) Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống được hoán cải;
- c) Bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải.

Điều 4. Thủ tục thẩm định thiết kế

1. Việc thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện đối với:

- a) Phương tiện, tổng thành sản xuất, lắp ráp mới;
- b) Phương tiện hoán cải.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế

- a) Giấy đề nghị thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) 03 bộ hồ sơ thiết kế quy định tại Điều 3 của Thông tư này;
- c) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở thiết kế (đối với trường hợp thẩm định thiết kế lần đầu của cơ sở thiết kế).

3. Nội dung thẩm định thiết kế

Thực hiện việc xem xét, kiểm tra đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế phương tiện, tổng thành với các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

4. Trình tự thực hiện

- a) Cơ sở thiết kế lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thẩm định thiết kế và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nếu hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn thời gian trả kết quả;
- c) Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định do yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thiết kế thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế;
- d) Sau khi thẩm định, nếu không đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế và nêu rõ lý do; nếu đạt yêu cầu thì Cục Đăng

kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Hồ sơ thiết kế sau khi được cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế, sẽ được chuyển cho cơ sở thiết kế và lưu trữ tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Chương III

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường

Căn cứ để Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là kiểm tra) bao gồm:

1. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành;
2. Hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật của phương tiện, tổng thành.

Điều 6. Loại hình kiểm tra

Việc kiểm tra bao gồm các loại hình sau:

1. Kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp;
2. Kiểm tra sản phẩm nhập khẩu;
3. Kiểm tra phương tiện hoán cải;
4. Kiểm tra phương tiện định kỳ;
5. Kiểm tra bất thường.

Điều 7. Kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra bao gồm:
 - a) Giấy đề nghị kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;
 - b) Hồ sơ thiết kế của phương tiện, tổng thành đã được thẩm định;
 - c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống liên quan được sử dụng;
 - d) Hồ sơ kiểm tra phương tiện, tổng thành của cơ sở sản xuất.

2. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và hồ sơ thiết kế đã thẩm định.

3. Phương thức kiểm tra